

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HS-ST

Ngày: 08 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang;

Bà Quách Thị Lùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện G, Tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện G, Tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện G, Tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; sinh năm 1975 tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Đ; nơi cư trú: Xóm 7, xã G, Huyện G, Tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị C (đã chết); có vợ là Đinh Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2019 cho đến nay; hiện đang tạm giam trại tạm giam Công an Tỉnh N; “có mặt”.

2. Doãn Văn D; sinh năm 1978 tại xã Giao A, Huyện G, Tỉnh N; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 6, xã Giao A, Huyện G, Tỉnh N; chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã Giao A, Huyện G, Tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Doãn Văn L và bà Vũ Thị H có vợ là Bùi Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm

giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2019 cho đến nay; hiện đang tạm giam Trại tạm giam Công an Tỉnh N; “có mặt”.

** Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị N ; sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm Thanh L, xã Giao T, Huyện G, Tỉnh N; “vắng mặt”.

2. Anh Phạm Thanh V ; sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 5, xã Hồng T, Huyện G, Tỉnh N; “vắng mặt”.

3. Chị Đinh Thị N; sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 7 xã Giao A, Huyện G, Tỉnh N; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ, ngày 15/6/2019 Nguyễn Văn T rủ Doãn Văn D đi mua ma túy về để bán và sử dụng. T điều khiển xe máy BKS:18P3 - 8117 chở D. Trên đường đi T đưa cho D 600.000 đồng. Khi đến gần chợ xã Giao Tiến, T dừng xe đợi ở ngoài, D đi bộ tới một nhà trong khu chợ Giao Tiến mua 02 gói ma túy qua khe cửa sắt rồi đi ra và đưa cho T. Sau đó T và D cùng về nhà T. Tại đây, T và D sử dụng một ít ma túy, số còn lại T chia làm thành nhiều phần, D gói bằng giấy vớ học sinh được 23 gói. T trả công cho D 02 gói và cất giấu 21 gói với mục đích để bán. D cất 02 gói ma túy vào túi áo đang mặc. Sau đó T và D đi tới quán nước của bà Trần Thị N với mục đích gặp ai mua ma túy thì bán. Tại đây, D đã bán cho Phạm Thanh V 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng, còn 01 gói nếu có ai hỏi mua thì sẽ bán tiếp. Đến 06 giờ 45 phút cùng ngày, tổ công tác của Công an Huyện G phối hợp cùng Công an xã Giao Thanh tuần tra tại khu vực xóm Thanh L, xã Giao T phát hiện T và D có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra phát hiện, T đang cất giấu trong người 21 gói ma túy (được niêm phong ký hiệu M2); D cất giấu trong người 01 gói ma túy (được niêm phong ký hiệu M1). Ngoài ra còn thu giữ của D 250.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Xphone đã cũ; thu giữ của T 200.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu xanh đã cũ, 01 chiếc xe máy Honda màu đen bạc BKS:18P3 - 8117 đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy); khám xét nơi ở của T, cơ quan điều tra thu được 04 mảnh giấy học sinh kích thước 03cm x 03cm. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 15/6/2019, Cơ quan điều tra Công an Huyện G đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 604/GĐKTHS ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh N kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 (hai) phong bì được niêm phong ký hiệu M1 và M2 gửi giám định là ma túy. Loại ma túy heroine. Khối lượng mẫu M1: 0,010 gam. Tổng trọng lượng mẫu M2: 0,773 gam.

Bản cáo trạng số 78/CT - VKS ngày 05/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện G truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Doãn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Doãn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù; xử phạt bị cáo Doãn Văn D từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định và 04 mảnh giấy học sinh; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng thu giữ của Doãn Văn D và 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của D và T. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ rõ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định số 604/GĐKTHS ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh N; như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 05 giờ, ngày 15/6/2019 Nguyễn Văn T đã có hành vi cất giấu 21 gói heroine có khối lượng 0,773 gam nhằm mục đích để bán kiếm lời; Doãn Văn D có hành vi bán trái phép 01 gói heroine với giá 100.000 đồng cho Phạm Thanh V và cất giấu trong người 01 gói heroine có khối lượng 0,010 gam với mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Huyện G truy tố Nguyễn Văn T và Doãn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gia tăng tội phạm hình sự, xâm phạm tới đạo đức và sức khỏe con người. Bản thân các bị cáo đều nghiện ma túy, đều biết được ma túy là hiểm họa đối với xã hội nhưng do tư lợi nên các bị cáo cố ý bán cho những con nghiện khác.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải; các bị cáo đều có thời gian phục vụ trong quân ngũ; người thân có công với cách mạng do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Theo

các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Số tiền 100.000 đồng thu giữ của Phạm Văn D do bán ma túy cho Phạm Thanh V mà có và 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh đã cũ thu giữ của T, 01 chiếc điện thoại Xphone màu đen đã cũ thu giữ của Doãn Văn D là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau cùng đi mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định; 04 mảnh giấy vờ học sinh thu giữ tại nhà Nguyễn Văn T với mục đích để gói heroine cần tịch thu cho tiêu hủy.

Số tiền 200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T là tài sản hợp pháp nên Công an Huyện G đã trả lại cho gia đình T.

Số tiền 150.000 đồng thu giữ của D không liên quan tới vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an Huyện G đã trả lại cho gia đình D.

Chiếc xe máy Honda màu đen bạc BKS: 18P3 - 8117 thu giữ của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của hai vợ chồng T, mua năm 2014 của chị Hoàng Thị H ở phường Vị Xuyên thành phố Nam Định, hiện nay đã bị mất giấy tờ xe nhưng tra cứu không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng nên nên Cơ quan điều tra Công an Huyện G đã làm thủ tục trả lại cho chị Đinh Thị N là vợ bị cáo T để quản lý và sử dụng là phù hợp.

Về nguồn gốc số ma túy của Nguyễn Văn T và Doãn Văn D cất giấu nhằm mục đích để bán. D khai mua qua cửa sổ của một nhà không biết tên tuổi, không nhìn thấy người bán và cũng không nhớ vị trí chính xác đặc điểm ngôi nhà vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với Phạm Thanh V đã có hành vi mua heroine với mục đích sử dụng cho bản thân. Xét thấy Vang là đối tượng nghiện ma túy, lượng heroine không xác định được lên Cơ quan điều tra Công an Huyện G xử lý Vang bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Doãn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2019.

Xử phạt bị cáo Doãn Văn D 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định và 04 mảnh giấy học sinh thu giữ tại nhà Nguyễn Văn T.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng cùng 01 điện thoại Xphone thu giữ của Doãn Văn D và 01 điện thoại Nokia màu xanh đã cũ thu giữ của Nguyễn Văn T.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 05/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện G).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn T và Doãn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo Nguyễn Văn T và Doãn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh N;
- VKSND Huyện G;
- Chi cục THADS Huyện G;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh N;
- Công an Huyện G;
- Các bị cáo,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

